

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT LÝ SƠN

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Tờ trình số: 12/TTr- THPT, ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Lý Sơn)

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh				
1	270057	P.03	LSO	BÙI TIẾN HOÀNG	Nam	19/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	8.25	9.1	1	27.6	NV1_LSO	
2	270052	P.03	LSO	ĐÌNH THỊ NGỌC HIẾU	Nữ	17/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	8	8.9	1	26.4	NV1_LSO	
3	270178	P.08	LSO	LÊ TRẦN ANH THƯ	Nữ	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	6.75	8.6	1	25.35	NV1_LSO	
4	270202	P.09	LSO	NGUYỄN THANH TÚ	Nam	22/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7.75	7.8	1	24.55	NV1_LSO	
5	270206	P.09	LSO	VÕ MINH TUẤN	Nam	06/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.5	8.8	1	24.55	NV1_LSO	
6	090144	P07	LKH	VÕ NGUYỄN XUÂN TUẤN	Nam	18/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	8	8.1	1	24.35	NV1_LSO	
7	270173	P.08	LSO	NGUYỄN THỊ KIM THU	Nữ	15/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	8.25	6.2	1	24.2	NV1_LSO	
8	270005	P.01	LSO	DƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	01/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.25	7.1	1	23.85	NV1_LSO	
9	270009	P.01	LSO	BÙI HUỲNH QUỐC BẢO	Nam	23/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7	7.2	1	23.45	NV1_LSO	
10	270116	P.05	LSO	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	30/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7	7.3	1	23.3	NV1_LSO	
11	270056	P.03	LSO	TRẦN THỊ MỸ HOA	Nữ	20/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	6	7.4	1	23.15	NV1_LSO	VAD
12	270078	P.04	LSO	LÊ ĐĂNG KHOA	Nam	16/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	6.5	7.4	1	23.15	NV1_LSO	
13	270051	P.03	LSO	LÊ THỊ ÁNH HIỆP	Nữ	22/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	7.6	1	23.1	NV1_LSO	
14	270072	P.03	LSO	KIỀU GIANG HƯƠNG	Nữ	08/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	7.3	1	22.8	NV1_LSO	VAD
15	270008	P.01	LSO	BÙI DƯƠNG GIA BẢO	Nam	15/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.5	7.3	1	22.8	NV1_LSO	
16	270207	P.09	LSO	VÕ TRÍ TUẤN	Nam	23/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	7.5	9.2	1	22.7	NV1_LSO	
17	270217	P.10	LSO	VÕ NGÔ VIÊN	Nam	10/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	8	7.6	1	22.35	NV1_LSO	
18	270148	P.07	LSO	BÙI TRUNG QUÝ	Nam	19/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	7	8.5	1	22.25	NV1_LSO	
19	270028	P.02	LSO	LÂM TÂM ĐẠI	Nữ	01/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.25	7.7	1	22.2	NV1_LSO	
20	270011	P.01	LSO	NGUYỄN THỊ HUỲNH BÔNG	Nữ	07/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	5.75	8.2	1	22.2	NV1_LSO	
21	270025	P.02	LSO	DƯƠNG THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	28/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	6.5	6.4	1	22.15	NV1_LSO	
22	270154	P.07	LSO	LÊ THÀNH TÀI	Nam	15/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	7.5	6.5	1	21.75	NV1_LSO	
23	270140	P.06	LSO	NGUYỄN THANH PHÚ	Nam	22/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	7.5	7.2	1	21.7	NV1_LSO	
24	270038	P.02	LSO	DƯƠNG THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	18/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.5	6	1	21.5	NV1_LSO	VAD
25	270088	P.04	LSO	TRẦN VĂN LONG	Nam	14/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.25	7.3	1	21.3	NV1_LSO	
26	270197	P.09	LSO	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Nam	16/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.25	5.6	1	20.85	NV1_LSO	
27	270147	P.07	LSO	BÙI THỊ KIM QUÝ	Nữ	26/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	4	7.1	1	20.85	NV1_LSO	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh				
28	270189	P.08	LSO	BÙI THU QUỲ	Nữ	01/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	5.1	1	20.6	NV1_LSO	
29	270093	P.04	LSO	PHẠM TẤN LỘC	Nam	06/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	7.25	7.2	1	20.45	NV1_LSO	
30	270209	P.09	LSO	BÙI ÁNH TUYẾT	Nữ	09/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.75	5.6	1	20.35	NV1_LSO	
31	270200	P.09	LSO	NGUYỄN ANH TÚ	Nam	27/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	6.5	6.8	1	20.3	NV1_LSO	
32	270203	P.09	LSO	LÊ TRẦN ANH TUẤN	Nam	26/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	5.75	6.1	1	20.1	NV1_LSO	
33	270004	P.01	LSO	TRƯƠNG THỊ MỸ AN	Nữ	16/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.25	5	1	20	NV1_LSO	
34	270075	P.04	LSO	NGUYỄN PHẠM MINH KHẢI	Nam	02/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6.75	5.7	1	19.95	NV1_LSO	
35	270174	P.08	LSO	NGUYỄN THỊ MỸ THU	Nữ	17/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	7	5.7	1	19.95	NV1_LSO	
36	270110	P.05	LSO	NGUYỄN TRẦN SAO MY	Nữ	28/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6.25	5.1	1	19.85	NV1_LSO	
37	270158	P.07	LSO	VÕ VĂN TÂN	Nam	20/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	6.75	6.8	1	19.8	NV1_LSO	
38	270130	P.06	LSO	NGUYỄN THỊ MỸ NHIÊN	Nữ	27/10/2010	Tỉnh Bến Tre	6.5	5.75	6.4	1	19.65	NV1_LSO	
39	270069	P.03	LSO	PHẠM NGỌC HUNG	Nam	22/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	5	4.9	1	19.4	NV1_LSO	
40	270111	P.05	LSO	PHAN NGỌC MY	Nữ	16/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6.75	3.9	1	19.15	NV1_LSO	
41	270112	P.05	LSO	NGUYỄN THỊ MỸ	Nữ	31/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.75	4.3	1	19.05	NV1_LSO	
42	270225	P.10	LSO	NGUYỄN THỊ HỒNG VY	Nữ	02/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4.25	6.3	1	19.05	NV1_LSO	
43	270015	P.01	LSO	TRẦN NGUYỄN MINH CHÂU	Nữ	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	7.25	4.5	1	19	NV1_LSO	
44	270108	P.05	LSO	NGUYỄN BÙI THẢO MY	Nữ	29/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6.75	3.7	1	18.95	NV1_LSO	
45	270006	P.01	LSO	LÊ THỊ NHẬT ÁNH	Nữ	26/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5.75	5.7	1	18.95	NV1_LSO	
46	270113	P.05	LSO	BÙI ĐẶNG THANH NGÂN	Nữ	10/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	6.25	4.9	1	18.9	NV1_LSO	
47	270208	P.09	LSO	TRƯƠNG ĐÌNH TUỆ	Nam	31/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.25	5.5	1	18.75	NV1_LSO	
48	270016	P.01	LSO	LÊ MINH CHIẾN	Nam	06/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4.75	6.2	1	18.7	NV1_LSO	
49	270109	P.05	LSO	NGUYỄN THỊ MY	Nữ	14/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.25	4.4	1	18.65	NV1_LSO	
50	270003	P.01	LSO	TRƯƠNG MI AN	Nữ	14/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4.75	5.3	1	18.55	NV1_LSO	
51	270145	P.07	LSO	NGÔ TRẦN TIÊU PHƯƠNG	Nữ	27/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	3.75	6.3	1	18.55	NV1_LSO	
52	270126	P.06	LSO	TRẦN KIẾT NHÂN	Nam	30/10/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7	3.5	1	18.5	NV1_LSO	
53	270198	P.09	LSO	NGUYỄN BÁ TRỰC	Nam	24/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.5	5	1	18.5	NV1_LSO	
54	270013	P.01	LSO	PHẠM VIỆT CHÂU	Nam	09/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	5	5.7	1	18.45	NV1_LSO	
55	270150	P.07	LSO	NGUYỄN THỊ QUYÊN	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	5.75	4.9	1	18.4	NV1_LSO	
56	270073	P.04	LSO	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	22/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4.5	5.3	1	18.3	NV1_LSO	
57	270045	P.02	LSO	BÙI THỊ HẬU	Nữ	16/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5.25	4.5	1	18.25	NV1_LSO	
58	270050	P.03	LSO	NGUYỄN THỊ XUÂN HIỀN	Nữ	14/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	5.5	6.2	1	18.2	NV1_LSO	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh				
59	270216	P.10	LSO	ĐINH TÂN	VỊ	Nam	30/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	4.75	6.5	1	18	NV1_LSO
60	270224	P.10	LSO	BÙI ĐẶNG KIỀU	VY	Nữ	21/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	5.25	4.3	1	17.8	NV1_LSO
61	270048	P.02	LSO	TRẦN VĂN	HÊNH	Nam	19/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.75	5	1	17.75	NV1_LSO
62	270077	P.04	LSO	LÊ ANH	KHOA	Nam	09/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.25	5.5	1	17.75	NV1_LSO
63	270046	P.02	LSO	PHAN VĂN PHÚC	HẬU	Nam	09/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	3.75	5.9	1	17.65	NV1_LSO
64	090395	P21	LKH	HUỖNH THỊ THU	SANG	Nữ	06/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5	4.1	1	17.6	NV1_LSO
65	270137	P.06	LSO	NGUYỄN THU	PHÁT	Nữ	30/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.25	3.3	1	17.55	NV1_LSO
66	270211	P.10	LSO	TRƯƠNG THỊ	TUYẾT	Nữ	13/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	4.25	5	1	17.5	NV1_LSO
67	270204	P.09	LSO	PHAN THANH	TUẤN	Nam	06/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5	5.4	1	17.4	NV1_LSO
68	270127	P.06	LSO	PHAN THANH	NHẬT	Nam	06/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4	5.8	1	17.3	NV1_LSO
69	270195	P.09	LSO	NGUYỄN THU	TRINH	Nữ	12/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	5.5	4.5	1	17.25	NV1_LSO
70	270223	P.10	LSO	PHẠM VĂN	VƯƠNG	Nam	01/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5.5	4.9	1	17.15	NV1_LSO
71	270213	P.10	LSO	NGUYỄN QUỐC	VĂN	Nam	10/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4.5	4.6	1	16.85	NV1_LSO
72	270201	P.09	LSO	NGUYỄN MINH	TÚ	Nam	14/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	4	4.8	1	16.8	NV1_LSO
73	270012	P.01	LSO	NGUYỄN THỊ HOÀNG	CHÂU	Nữ	23/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.75	4.5	1	16.75	NV1_LSO
74	270082	P.04	LSO	NGUYỄN THỊ	LÂM	Nữ	05/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5.5	4.4	1	16.65	NV1_LSO
75	270104	P.05	LSO	ĐINH THỊ XUÂN	MAI	Nữ	30/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.25	4.9	1	16.65	NV1_LSO
76	270143	P.06	LSO	PHÙ THỊ HUỖNH	PHÚC	Nữ	01/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	6	4.6	1	16.6	NV1_LSO
77	270156	P.07	LSO	BÙI THÀNH	TÂM	Nam	26/03/2010	Tỉnh Đồng Nai	3.25	6.75	5.6	1	16.6	NV1_LSO
78	270079	P.04	LSO	NGUYỄN TÂN	KHUÂN	Nam	03/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	5.5	6.3	1	16.55	NV1_LSO
79	270191	P.08	LSO	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	Nữ	09/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	3.5	6.1	1	16.35	NV1_LSO
80	270063	P.03	LSO	NGUYỄN ANH	HÙNG	Nam	27/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	4.25	6.1	1	16.35	NV1_LSO
81	270142	P.06	LSO	PHẠM LÊ GIA	PHÚ	Nam	23/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	6	4.8	1	16.3	NV1_LSO
82	270081	P.04	LSO	VÕ XUÂN	LANH	Nam	29/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	5.75	4.2	1	16.2	NV1_LSO
83	270105	P.05	LSO	NGUYỄN TÂN	MẠNH	Nam	04/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	5.25	4.9	1	16.15	NV1_LSO
84	270186	P.08	LSO	NGUYỄN THỊ CÁT	TIỀN	Nữ	28/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	4.5	5.1	1	16.1	NV1_LSO
85	270166	P.07	LSO	TRẦN NHẬT	THIỆN	Nam	11/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	5.5	4.7	1	15.95	NV1_LSO
86	270035	P.02	LSO	BÙI THỊ KIM	ĐẾN	Nữ	12/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5	3.9	1	15.65	NV1_LSO
87	270193	P.09	LSO	NGUYỄN THANH	TRIỀU	Nam	06/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	7.25	4.4	1	15.65	NV1_LSO
88	270167	P.07	LSO	BÙI TÂN	THIỆN	Nam	27/02/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	2	4.9	1	15.65	NV1_LSO
89	270163	P.07	LSO	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	08/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.5	4.75	6.3	1	15.55	NV1_LSO

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh				
90	270219	P.10	LSO	DƯƠNG MINH VƯỜN	Nam	02/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	4.25	3.2	1	15.45	NV1_LSO	
91	270103	P.05	LSO	LÊ THỊ LUÔNG	Nữ	03/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	5.25	3.7	1	15.45	NV1_LSO	
92	270047	P.02	LSO	TRẦN VĂN HẬU	Nam	10/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	6	3.7	1	15.45	NV1_LSO	
93	270212	P.10	LSO	ĐẶNG KIM SÊ U	Nam	10/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	5.5	3.9	1	15.4	NV1_LSO	
94	270096	P.04	LSO	ĐẶNG HỮU LỢI	Nam	26/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4.25	4.1	1	15.35	NV1_LSO	
95	270097	P.05	LSO	LÂM CHÍ LỢI	Nam	11/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5	2.3	1	15.3	NV1_LSO	
96	270037	P.02	LSO	PHAN THỊ NHƯ ĐƯỢC	Nữ	14/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	4.75	4	1	15.25	NV1_LSO	
97	270067	P.03	LSO	VÕ THỊ MỸ HUYỀN	Nữ	28/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3	5	1	15.25	NV1_LSO	
98	270076	P.04	LSO	HUỖNH GIA KHOA	Nam	03/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	4	5	1	15.25	NV1_LSO	
99	270222	P.10	LSO	LÊ VĂN VƯƠNG	Nam	12/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	4	4.7	1	15.2	NV1_LSO	
100	270132	P.06	LSO	NGUYỄN THỊ NHIỀU	Nữ	08/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4.25	3.8	1	15.05	NV1_LSO	
101	270065	P.03	LSO	MAI THỊ HUYỀN	Nữ	21/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.25	4.5	1	15	NV1_LSO	
102	270160	P.07	LSO	PHẠM TÂN THÀNH	Nam	16/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	5	4.7	1	14.95	NV1_LSO	
103	270221	P.10	LSO	DƯƠNG MINH VƯƠNG	Nam	17/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.75	3.8	1	14.8	NV1_LSO	
104	270169	P.08	LSO	NGUYỄN HOÀNG THỊNH	Nam	29/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.5	3	1	14.75	NV1_LSO	
105	270070	P.03	LSO	PHÙ TRẦN MINH HUNG	Nam	04/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	2.75	5.2	1	14.7	NV1_LSO	
106	270033	P.02	LSO	VÕ TÂN ĐẠT	Nam	31/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	5.75	3.8	1	14.55	NV1_LSO	
107	270031	P.02	LSO	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	28/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	4.5	4	1	14.5	NV1_LSO	
108	270044	P.02	LSO	LÂM NHẬT HẢO	Nam	04/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	3.25	3.2	1	14.45	NV1_LSO	
109	270061	P.03	LSO	NGUYỄN THỊ BÍCH HỢP	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2.25	5.9	1	14.4	NV1_LSO	
110	270071	P.03	LSO	TRẦN TUẤN HUNG	Nam	15/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3	5.1	1	14.35	NV1_LSO	
111	270134	P.06	LSO	MAI QUỲNH NHƯ	Nữ	20/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	3.25	2.8	1	14.3	NV1_LSO	
112	270226	P.10	LSO	LÊ NGUYỄN XUÂN	Nam	30/03/2010	Tỉnh Hà Giang	7	4.25	2	1	14.25	NV1_LSO	
113	270129	P.06	LSO	NGUYỄN THỊ YÊN NHI	Nữ	24/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	1.75	5.2	1	14.2	NV1_LSO	
114	270220	P.10	LSO	BÙI LÊ THANH VƯƠNG	Nam	20/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.25	3.4	1	14.15	NV1_LSO	
115	270176	P.08	LSO	TRƯƠNG THỊ MỸ THUẬN	Nữ	21/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3.5	4.4	1	14.15	NV1_LSO	
116	270043	P.02	LSO	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Nữ	05/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	2.25	3.3	1	14.05	NV1_LSO	
117	270165	P.07	LSO	NGUYỄN MINH THIÊN	Nam	14/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	2.25	6.3	1	14.05	NV1_LSO	
118	270187	P.08	LSO	TRẦN CHÁNH TÍN	Nam	21/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	4.5	4.2	1	13.95	NV1_LSO	
119	270184	P.08	LSO	NGUYỄN MAI THÙY TIÊN	Nữ	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	4.75	3.4	1	13.9	NV1_LSO	
120	270196	P.09	LSO	NGUYỄN THỊ MỸ TRỌNG	Nữ	09/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2.5	4.4	1	13.9	NV1_LSO	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh				
121	270089	P.04	LSO	BÙI NGÔ MỸ LỘC	Nữ	08/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	3.25	5.4	1	13.9	NV1_LSO	
122	270117	P.05	LSO	NGUYỄN THỊ BÍCH NGÂN	Nữ	14/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	2.75	4.6	1	13.85	NV1_LSO	
123	270014	P.01	LSO	TRẦN HUỖNH NGỌC CHÂU	Nữ	22/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	4.25	2.9	1	13.65	NV1_LSO	
124	270177	P.08	LSO	BÙI THỊ THANH THỦY	Nữ	20/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	2	3.4	1	13.4	NV1_LSO	
125	270151	P.07	LSO	TRƯƠNG THỊ SANG	Nữ	28/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	3.75	4.6	1	13.35	NV1_LSO	
126	270053	P.03	LSO	NGUYỄN MAI TRUNG HIẾU	Nam	12/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	3	5.5	1	13.25	NV1_LSO	
127	270060	P.03	LSO	TRƯƠNG DUY HOÀNG	Nam	26/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	1.75	5.2	1	13.2	NV1_LSO	
128	270039	P.02	LSO	NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	30/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	3.25	4.4	1	13.15	NV1_LSO	
129	270215	P.10	LSO	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VI	Nữ	26/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	1.5	4.9	1	13.15	NV1_LSO	
130	270149	P.07	LSO	ĐẶNG NGUYỄN QUỲNH QUYÊN	Nữ	06/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2	4.9	1	13.15	NV1_LSO	
131	270161	P.07	LSO	LÊ THỊ THẢO	Nữ	06/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	3.75	5.4	1	13.15	NV1_LSO	
132	270019	P.01	LSO	LÊ THỊ MỸ DIỄM	Nữ	18/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3.75	3.1	1	13.1	NV1_LSO	
133	270170	P.08	LSO	PHAN PHƯỚC THỊNH	Nam	06/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2.75	4.1	1	13.1	NV1_LSO	
134	270175	P.08	LSO	LƯƠNG THANH THUẬN	Nam	08/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2	4.8	1	13.05	NV1_LSO	
135	270041	P.02	LSO	VÕ THỊ THU GIÀU	Nữ	27/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3	3	1	13	NV1_LSO	
136	270114	P.05	LSO	DƯƠNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	20/05/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	4.75	3.4	1	12.9	NV1_LSO	
137	270080	P.04	LSO	PHẠM HOÀNG KIỆT	Nam	26/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.25	4	4.6	1	12.85	NV1_LSO	
138	270115	P.05	LSO	ĐẶNG THỊ HOÀNG NGÂN	Nữ	17/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	4	2.5	1	12.75	NV1_LSO	
139	270210	P.09	LSO	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	Nữ	27/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	2.75	4.5	1	12.75	NV1_LSO	
140	270101	P.05	LSO	TRẦN NGỌC LỢI	Nam	07/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	4	3.1	1	12.6	NV1_LSO	
141	270084	P.04	LSO	HUỖNH THỊ MỸ LIÊN	Nữ	18/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	1.75	3.6	1	12.6	NV1_LSO	
142	270214	P.10	LSO	LÊ THỊ BÍCH VÂN	Nữ	19/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	1.75	4.3	1	12.55	NV1_LSO	
143	270002	P.01	LSO	NGUYỄN CAO KỲ AN	Nữ	23/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	1.5	2.1	1	12.35	NV1_LSO	
144	270133	P.06	LSO	NGUYỄN THỊ THÚY NHIỀU	Nữ	09/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	1.75	4.6	1	12.35	NV1_LSO	
145	270136	P.06	LSO	NGUYỄN TÂN PHÁT	Nam	25/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	4.5	2.3	1	12.3	NV1_LSO	
146	270055	P.03	LSO	LÊ DƯƠNG KIM HOA	Nữ	21/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	1.25	5.7	1	12.2	NV1_LSO	
147	270068	P.03	LSO	NGUYỄN QUANG HÙNG	Nam	29/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	2.5	5.7	1	12.2	NV1_LSO	
148	270182	P.08	LSO	TRẦN THỊ NGHI THƯỜNG	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2	3.9	1	12.15	NV1_LSO	
149	270119	P.05	LSO	VÕ THỊ THANH NGÂN	Nữ	20/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	2.25	2.6	1	12.1	NV1_LSO	
150	270155	P.07	LSO	PHÙ TÂN TÀI	Nam	04/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	2.75	4	1	12	NV1_LSO	
151	270144	P.06	LSO	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	Nam	19/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.5	3.5	4	1	12	NV1_LSO	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh				
152	270092	P.04	LSO	NGUYỄN THÀNH LỘC	Nam	01/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	2.5	4	4.5	1	12	NV1_LSO	
153	270128	P.06	LSO	NGUYỄN DƯƠNG MỸ NHI	Nữ	15/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	2.25	3.8	1	11.8	NV1_LSO	
154	270100	P.05	LSO	NGUYỄN VĂN LỢI	Nam	09/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.25	3.75	3.8	1	11.8	NV1_LSO	
155	270179	P.08	LSO	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	25/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	1.5	4.8	1	11.8	NV1_LSO	
156	270020	P.01	LSO	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	Nữ	10/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2.25	2.5	1	11.75	NV1_LSO	
157	270021	P.01	LSO	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	Nữ	14/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	3	2.7	1	11.7	NV1_LSO	
158	270027	P.02	LSO	NGUYỄN THỊ DƯ	Nữ	27/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	3	2.7	1	11.7	NV1_LSO	
159	270058	P.03	LSO	ĐỖ MINH HOÀNG	Nam	01/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	1.5	6.2	1	11.7	NV1_LSO	
160	270157	P.07	LSO	HUỖNH CÔNG TÂN	Nam	01/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	3.25	4.4	1	11.65	NV1_LSO	
161	270010	P.01	LSO	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	11/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	2	4.9	1	11.65	NV1_LSO	
162	270131	P.06	LSO	NGUYỄN THỊ THU NHIÊN	Nữ	22/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.25	1.75	5.6	1	11.6	NV1_LSO	
163	270168	P.07	LSO	MAI TRỌNG THIÊN	Nam	03/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	3	3.5	1	11.5	NV1_LSO	
164	270159	P.07	LSO	VÕ GIA TÂN	Nam	29/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	1.25	5.4	1	11.4	NV1_LSO	
165	270205	P.09	LSO	TRƯƠNG VĂN TUẤN	Nam	13/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	2.75	3.6	1	11.35	NV1_LSO	
166	270017	P.01	LSO	TRẦN THỊ NHI CHIẾN	Nữ	24/12/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	2.75	2.8	1	11.3	NV1_LSO	
167	270026	P.02	LSO	HUỖNH THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	04/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	3.75	1.5	1	11.25	NV1_LSO	
168	270122	P.06	LSO	NGUYỄN THỊ THU NGỌC	Nữ	13/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	3.75	2	1	11.25	NV1_LSO	
169	270094	P.04	LSO	TRẦN QUANG LỘC	Nam	05/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	2.5	4.5	3.2	1	11.2	NV1_LSO	
170	270102	P.05	LSO	BÙI CÔNG LUẬN	Nam	16/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	3.75	3.4	1	11.15	NV1_LSO	
171	270024	P.01	LSO	LÊ NGUYỄN TÂN DŨNG	Nam	02/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	2.75	3	1	11	NV1_LSO	
172	270199	P.09	LSO	PHAN THANH TRƯỜNG	Nam	03/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.5	1.5	5	1	11	NV1_LSO	
173	270121	P.06	LSO	LÊ PHAN BẢO NGỌC	Nữ	26/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	2	2.7	1	10.95	NV1_LSO	
174	270227	P.10	LSO	BÙI ĐỖ NGỌC Ý	Nữ	12/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	3.5	2.7	1	10.95	NV1_LSO	
175	270001	P.01	LSO	LÊ THỊ KIM AN	Nữ	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	2.5	2.9	1	10.9	NV1_LSO	
176	270085	P.04	LSO	TRẦN THỊ KIM LIÊN	Nữ	15/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.25	2.75	3.9	1	10.9	NV1_LSO	
177	270164	P.07	LSO	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	25/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.25	1.5	5.1	1	10.85	NV1_LSO	
178	270106	P.05	LSO	ĐỖ NGỌC MÃN	Nam	08/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	2.75	4	1	10.75	NV1_LSO	
179	270162	P.07	LSO	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Nữ	22/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	1	5.7	1	10.7	NV1_LSO	
180	270083	P.04	LSO	NGUYỄN NGỌC TÙNG LÂM	Nam	19/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	3.25	1.6	1	10.6	NV1_LSO	
181	270032	P.02	LSO	TRẦN HỮU ĐẠT	Nam	27/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	1.25	4.1	1	10.6	NV1_LSO	
182	270120	P.05	LSO	VÕ HỮU NGHĨA	Nam	21/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3	1.3	1	10.55	NV1_LSO	

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm ưu tiên/KK (nếu có)	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
								Ngữ văn	Toán	T.Anh				
183	270172	P.08	LSO	NGUYỄN VĂN THỌ	Nam	27/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2.5	1	1	10.5	NV1_LSO	
184	270023	P.01	LSO	ĐẶNG NGUYỄN TÂN DŨNG	Nam	21/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	2	2.9	1	10.4	NV1_LSO	
185	270095	P.04	LSO	TRƯƠNG VĂN LỘC	Nam	10/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3	3	3.4	1	10.4	NV1_LSO	
186	270049	P.03	LSO	NGUYỄN HIỀN	Nam	06/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	2.25	1.75	5.4	1	10.4	NV1_LSO	

Danh sách này có: 186 học sinh được đề nghị xét duyệt.

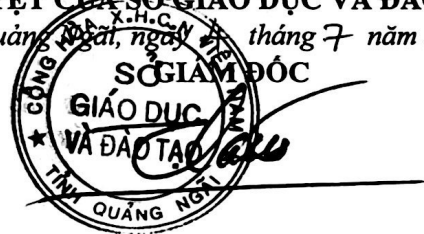
Trong đó: + Tuyển thẳng: 0 học sinh.
+ Nguyên vọng 1: 186 học sinh.
+ Nguyên vọng 2: 0 học sinh.

Danh sách này có: 186 học sinh trúng tuyển.

Trong đó: + Tuyển thẳng: 0 học sinh.
+ Nguyên vọng 1: 186 học sinh.
+ Nguyên vọng 2: 0 học sinh.

DUYỆT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 7 năm 2025



Nguyễn Ngọc Thái

Người lập danh sách

(Ký và ghi họ tên)

Tân Đức Nhân

Lý Sơn, ngày 25 tháng 6 năm 2025



Huỳnh Văn Long